

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-07-2026

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hình và ông Đào Duy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Thư ký của Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Hà Trang Quỳnh Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Đ**, sinh ngày 16-04-1971, căn cước công dân số 068171003983, cấp ngày 12-08-2021. Địa chỉ: **Số A, Thôn F, xã D, tỉnh Lâm Đồng**. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Văn Quyết T**, sinh ngày 17-08-1966, căn cước công dân số 046066006214, cấp ngày 12-08-2021. Địa chỉ: **Số A, Thôn F, xã D, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 03 năm 2026, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà **Võ Thị Đ** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Văn Quyết T** kết hôn ngày 01-01-1991, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã D (thị trấn D, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng**, kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không

chung quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau. Bà yêu cầu ly hôn ông Văn Quyết T. Việc ly hôn bà đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Văn Anh Tuấn, sinh ngày 04-09-1991 và Văn Thị Anh T1, sinh ngày 23-07-1994, hiện nay hai con chung đã thành niên, có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung, nợ riêng: đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngoài ra, bà Võ Thị Đ không yêu cầu gì khác.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Văn Quyết T có Bản trình bày ý kiến ngày 18-06-2026 và Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 18-06-2026 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Đ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nay bà Võ Thị Đ yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Văn Anh Tuấn, sinh ngày 04-09-1991 và Văn Thị Anh T1, sinh ngày 23-07-1994, hiện nay hai con chung đã thành niên, có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung, nợ riêng: đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngoài ra, ông Văn Quyết T không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng phát biểu: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Đ; về con chung không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung đều không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Văn Quyết T. Ông Văn Quyết T hiện đang cư trú tại xã D, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa bị đơn ông Văn Quyết T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Võ Thị Đ và ông Văn Quyết T kết hôn ngày 01-01-1991, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (thị trấn D,

huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà **Võ Thị Đ** và ông **Văn Quyết T** là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, ông **T** sinh năm 1966, thuộc trường hợp “người cao tuổi”, theo Biên bản xác minh ngày 27-05-2026 ông **T** hiện đang bị tai biến, bà **Đ** trình bày ông **T** bị bệnh tai biến, không có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, không có bất cứ nguồn thu nhập nào, cần người chăm sóc; Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, ông bà kết hôn từ năm 1991, chung sống đến nay được 35 năm, tại phiên toà bà **Đ** khai ông **T** từng đánh bà **Đ** nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, không có căn cứ nào chứng minh nên không xác định có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, ông bà không vi phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người kia, mặc dù bà **Đ** ra ngoài thuê nhà ở, hiện nay còn hai con chung đang sống với ông **T**, vợ chồng không vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-05-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc bà **Võ Thị Đ** yêu cầu được ly hôn với ông **Văn Quyết T** là không có cơ sở chấp nhận.

Về con chung và tài sản chung: Do không chấp nhận ly hôn nên Tòa án không xem xét, giải quyết các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Bà **Võ Thị Đ** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-05-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 5 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

bà **Võ Thị Đ** về việc yêu cầu ly hôn ông **Văn Quyết T**.

2. Về án phí: Bà **Võ Thị Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005902 ngày 06 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà **Võ Thị Đ** đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà **Võ Thị Đ** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông **Văn Quyết T** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

